

Số: 101/2023\_ASP-SGDCK\_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh BCTC riêng bán niên năm 2023 đã kiểm toán

Tp Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 08 năm 2023

## Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính bán niên và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, sản lượng bán hàng tăng nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của của 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Số liệu 6 tháng	Số liệu 6 tháng	Chênh lệch (VNĐ)
	đầu năm 2023	đầu năm 2022	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.174.997.118	29.943.140.156	3.231.856.962
2 Doanh thu hoạt động tài chính	11.471.133.122	11.416.798.716	54.334.406
3 Chi phí tài chính	25.352.203.229	17.559.266.883	7.792.936.346
4 Chi phí bán hàng	4.485.972.923	5.744.596.356	(1.258.623.433)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.964.545.844	11.164.822.339	2.799.723.505
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	922.658.244	6.898.320.294	(5.975.662.050)
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	184.531.649	1.398.895.107	(1.214.363.458)
9 Lợi nhuận sau thuế TNDN	738.126.595	5.499.425.187	(4.761.298.592)

### Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp tăng 3.231.856.962 đồng nguyên nhân chính do sản lượng bán hàng tăng so với cùng kỳ.
  - Doanh thu tài chính tăng 54.344.406 đồng nguyên nhân do thu nhập từ các khoản đầu tư ngắn hạn tăng so với cùng kỳ.
  - Chi phí tài chính tăng 7.792.936.346 đồng nguyên nhân chủ yếu do lãi suất tiền vay tăng so với cùng kỳ năm 2022.
  - Chi phí bán hàng giảm 1.258.623.433 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, thuê mặt bằng giảm so với cùng kỳ.
  - Chi phí quản lý tăng 2.799.723.505 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công tác tăng với cùng kỳ.
- Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2023 giảm 4.761.298.592 đồng so với 6 tháng đầu năm 2022.

Trân trọng.

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ  
AN PHA  
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH  
TRẦN MINH LOAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 45



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Trúng cử ngày 19/4/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 19/4/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)

##### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Từ ngày 27/6/2023)
	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)

##### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Minh Loan**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Số: 166/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 27/8/2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>974.096.906.381</b>	<b>981.242.251.165</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>64.949.694.116</b>	<b>60.258.002.252</b>
1. Tiền	111		64.949.694.116	23.841.803.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.416.198.266
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.200.000.000</b>	<b>90.614.277.028</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	130.200.000.000	90.614.277.028
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>721.063.193.169</b>	<b>796.862.504.645</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	555.467.653.360	586.372.379.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	59.197.476.010	57.311.795.497
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	93.000.000.000	140.065.782.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	13.398.063.799	13.112.547.869
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>52.416.454.998</b>	<b>29.686.992.522</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.416.454.998	29.686.992.522
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.467.564.098</b>	<b>3.820.474.718</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.013.479.245	1.599.778.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.435.299.469	2.220.696.229
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		18.785.384	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>865.381.559.154</b>	<b>870.163.583.085</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>31.627.166.001</b>	<b>31.466.842.001</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	22.337.320.000	22.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	9.289.846.001	9.129.522.001
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.698.806.121</b>	<b>10.782.879.850</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	648.049.250	966.297.268
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.473.923.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.860.846.568)	(1.507.625.823)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	10.050.756.871	9.816.582.582
- Nguyên giá	228		13.625.192.578	12.102.192.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.574.435.707)	(2.285.609.996)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.268.300.000</b>	<b>5.268.300.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	5.268.300.000	5.268.300.000
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>733.517.579.377</b>	<b>733.517.579.377</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	667.996.076.007	667.996.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	94.056.055.625	94.056.055.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(28.534.552.255)	(28.534.552.255)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>84.269.707.655</b>	<b>89.127.981.857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	84.269.707.655	89.127.981.857
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.839.478.465.535</b>	<b>1.851.405.834.250</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.353.351.416.328</b>	<b>1.366.016.911.638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.259.858.366.328</b>	<b>1.203.457.131.638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	555.453.790.591	611.598.478.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.202.135	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	232.313.810	3.700.673.164
4. Phải trả người lao động	314		364.911.542	386.588.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	2.134.499.755	2.793.534.749
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.143.533.810	1.085.991.254
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	700.499.240.777	583.872.990.855
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>93.493.050.000</b>	<b>162.559.780.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	93.493.050.000	162.559.780.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>486.127.049.207</b>	<b>485.388.922.612</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>486.127.049.207</b>	<b>485.388.922.612</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.991.750.991	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		110.253.624.396	98.792.607.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		738.126.595	11.461.016.928
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.839.478.465.535</b>	<b>1.851.405.834.250</b>

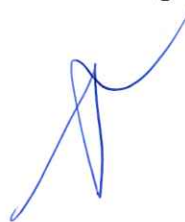
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.199.435.958.896	1.654.896.733.590
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.331.741.021	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1.196.104.217.875</b>	<b>1.654.896.733.590</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.162.929.220.757	1.624.953.593.434
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>33.174.997.118</b>	<b>29.943.140.156</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.471.133.122	11.416.798.716
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.352.203.229	17.559.266.883
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.098.814.772	13.262.061.839
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	4.485.972.923	5.744.596.356
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.964.545.844	11.164.822.339
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	<b>30</b>		<b>843.408.244</b>	<b>6.891.253.294</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	79.250.000	7.067.000
12. Chi phí khác	32	6.6	-	-
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>79.250.000</b>	<b>7.067.000</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	<b>50</b>		<b>922.658.244</b>	<b>6.898.320.294</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	184.531.649	1.398.895.107
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>738.126.595</b>	<b>5.499.425.187</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		922.658.244	6.898.320.294
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.642.046.456	1.480.240.938
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		501.500.000	727.600.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.774.827.238)	(11.215.236.168)
- Chi phí lãi vay	06		23.098.814.772	13.262.061.839
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.390.192.234	11.152.986.903
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.924.112.496	(94.735.521.981)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.729.462.476)	(5.619.344.579)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(54.897.703.655)	(30.198.341.193)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.444.573.446	(37.445.163.422)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23.757.849.766)	(13.484.676.594)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.646.838.232)	(4.141.826.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.272.975.953)	(174.471.887.788)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.557.972.727)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(100.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		137.480.059.028	146.750.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(32.400.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.190.531.594	9.136.589.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.112.617.895	23.486.589.488



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		929.550.382.085	1.798.039.092.734
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(883.698.332.163)	(1.758.158.015.904)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.481.060.875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		45.852.049.922	38.400.015.955
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		4.691.691.864	(112.585.282.345)
(50 = 20+30+40)				
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	5.1	60.258.002.252	163.633.204.838
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	5.1	64.949.694.116	51.047.922.493
(70 = 50+60+61)				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

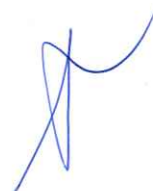
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Trần Minh Loan

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 13 người (tại ngày 31/12/2022 là 14 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Các Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
<b>Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)</b>						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
<b>Các Công ty liên kết</b>						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
7	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
8	Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
10	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Tầng 2-107B Phan Thanh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	29,00%	29,00%	29,00%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán*****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ***

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cho thuê tài sản (Tiếp theo)**

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Chi phí bảo lãnh phát hành***

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

***Tiền thuê tài sản trả trước***

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

***Chi phí sửa chữa tài sản***

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Chi phí vỏ bình gas***

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

***Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	653.648.029	1.111.898.029
Tiền gửi ngân hàng	64.296.046.087	22.729.905.957
Các khoản tương đương tiền	-	36.416.198.266
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	36.416.198.266
<b>Tổng</b>	<b>64.949.694.116</b>	<b>60.258.002.252</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>130.200.000.000</b>	<b>130.200.000.000</b>	<b>90.614.277.028</b>	<b>90.614.277.028</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	130.200.000.000	130.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
<b>Tổng</b>	<b>130.200.000.000</b>	<b>130.200.000.000</b>	<b>90.614.277.028</b>	<b>90.614.277.028</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,0%/năm đến 8,7%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)					
	Tỷ lệ							
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>								
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	98,57%	98,57%	667.996.076.007	25.537.680.000	(21.032.995.011)	667.996.076.007	37.880.892.000	(21.032.995.011)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(i)	142.307.241.235	(i)	-
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780	25.537.680.000	(i)	443.340.459.992	(i)	(11.475.494.539)
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	80,00%	80,00%	18.400.000.000	(i)	(i)	35.699.374.780	37.880.892.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(i)	18.400.000.000	(i)	-
						28.249.000.000	(i)	(9.557.500.472)
								(9.557.500.472)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)				
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyển sang)</b>			667.996.076.007	25.537.680.000	(21.032.995.011)	667.996.076.007	37.880.892.000	(21.032.995.011)
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			94.056.055.625		(7.501.557.244)	94.056.055.625		(7.501.557.244)
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	(i)	-	10.725.395.625	(i)	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	(i)	(896.537.798)	1.470.000.000	(i)	(896.537.798)
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	(i)	(2.390.000.000)	2.385.320.000	(i)	(2.390.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	(i)	-	1.372.000.000	(i)	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	(i)	(1.103.288.606)	7.513.340.000	(i)	(1.103.288.606)
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	(i)	(576.678.983)	2.940.000.000	(i)	(576.678.983)
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	(i)	(773.762.186)	13.650.000.000	(i)	(773.762.186)
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	(i)	-	34.000.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	(i)	(1.761.289.671)	20.000.000.000	(i)	(1.761.289.671)
<b>Tổng</b>			<b>762.052.131.632</b>	<b>25.537.680.000</b>	<b>(28.534.552.255)</b>	<b>762.052.131.632</b>	<b>37.880.892.000</b>	<b>(28.534.552.255)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2023. Cụ thể, tại ngày 30/6/2023, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 6.000 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.280 cổ phiếu.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	111.408.903.162	51.109.150.513
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	212.383.350.336	283.583.570.041
Phải thu các đối tượng khác	231.675.399.862	251.679.658.725
<b>Tổng</b>	<b>555.467.653.360</b>	<b>586.372.379.279</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	<b>441.584.311.592</b>	<b>439.102.548.419</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	50.200.000.000	50.200.000.000
Các đối tượng khác	3.217.835.292	1.332.154.779
<b>Tổng</b>	<b>59.197.476.010</b>	<b>57.311.795.497</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	<b>50.200.000.000</b>	<b>50.200.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.5 Phải thu về cho vay**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>140.065.782.000</b>
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	84.700.000.000	130.815.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	5.700.000.000	6.650.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>22.337.320.000</b>	<b>22.337.320.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>115.337.320.000</b>	<b>162.403.102.000</b>

*Trong đó:*

**Phải thu về cho vay từ các bên liên quan**

**108.737.320.000**

**155.803.102.000**

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/2024.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.398.063.799</b>	-	<b>13.112.547.869</b>	-
Phải thu Ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	4.542.058.498	-	4.689.142.555	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	4.068.904.340	-	2.484.608.696	-
Phải thu Ông Phạm Huy Hoàng (iii)	213.360.000	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	583.573.504	-	4.235.128.786	-
Ký cược, ký quỹ	388.500.000	-	1.088.500.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	1.807.833	-	1.807.832	-
Phải thu khác	3.199.859.624	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>9.289.846.001</b>	-	<b>9.129.522.001</b>	-
Ký cược, ký quỹ	3.324.846.000	-	3.164.522.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>22.687.909.800</b>	-	<b>22.242.069.870</b>	-

Trong đó

**Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	52.416.454.998	-	29.686.992.522	-
<b>Tổng</b>	<b>52.416.454.998</b>	<b>-</b>	<b>29.686.992.522</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.013.479.245</b>	<b>1.599.778.489</b>
Chi phí bảo lãnh phát hành	1.131.809.278	892.043.375
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	1.493.255.320	308.805.855
Chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng	-	366.658.836
Các khoản khác	388.414.647	32.270.423
<b>Dài hạn</b>	<b>84.269.707.655</b>	<b>89.127.981.857</b>
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	82.778.784.316	85.970.375.188
Chi phí thuê	1.364.400.000	3.001.680.000
Các khoản khác	126.523.339	155.926.669
<b>Tổng</b>	<b>87.283.186.900</b>	<b>90.727.760.346</b>

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.473.923.091	2.473.923.091
Tăng trong kỳ	34.972.727	34.972.727
Mua trong kỳ	34.972.727	34.972.727
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<b>2.508.895.818</b>	<b>2.508.895.818</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.507.625.823	1.507.625.823
Tăng trong kỳ	353.220.745	353.220.745
Khấu hao trong kỳ	353.220.745	353.220.745
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<b>1.860.846.568</b>	<b>1.860.846.568</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	966.297.268	966.297.268
Tại ngày 30/6/2023	<b>648.049.250</b>	<b>648.049.250</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.102.192.578	12.102.192.578
Tăng trong kỳ	1.523.000.000	1.523.000.000
Mua trong kỳ	1.523.000.000	1.523.000.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>13.625.192.578</u>	<u>13.625.192.578</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.285.609.996	2.285.609.996
Tăng trong kỳ	1.288.825.711	1.288.825.711
Khấu hao trong kỳ	1.288.825.711	1.288.825.711
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>3.574.435.707</u>	<u>3.574.435.707</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	<u>9.816.582.582</u>	<u>9.816.582.582</u>
Tại ngày 30/6/2023	<u>10.050.756.871</u>	<u>10.050.756.871</u>

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai Ứng dụng di động	5.268.300.000	5.268.300.000
<b>Tổng</b>	<u>5.268.300.000</u>	<u>5.268.300.000</u>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	551.860.696.796	551.860.696.796	607.682.055.422	607.682.055.422
Phải trả cho các đối tượng khác	3.593.093.795	3.593.093.795	3.916.423.439	3.916.423.439
<b>Tổng</b>	<u>555.453.790.591</u>	<u>555.453.790.591</u>	<u>611.598.478.861</u>	<u>611.598.478.861</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>3.700.673.164</b>	<b>1.833.147.928</b>	<b>5.301.507.282</b>	<b>232.313.810</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.016.302.593	1.016.302.593	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.646.838.232	184.531.649	3.646.838.232	184.531.649
Thuế thu nhập cá nhân	53.834.932	375.777.448	381.830.219	47.782.161
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	252.536.238	252.536.238	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.134.499.755	2.793.534.749
<b>Tổng</b>	<b>2.134.499.755</b>	<b>2.793.534.749</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	37.760.059	5.483.656
Bảo hiểm y tế	1.296.966	1.678.093
Cổ tức phải trả	912.301.894	912.301.894
Phải trả, phải nộp khác	192.174.891	166.527.611
<b>Tổng</b>	<b>1.143.533.810</b>	<b>1.085.991.254</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/6/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản vay ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	700.499.240.777	700.499.240.777	998.744.582.085	882.118.332.163	583.872.990.855	583.872.990.855
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (ii)	625.742.290.777	625.742.290.777	929.550.382.085	848.745.262.163	544.937.170.855	544.937.170.855
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	298.271.426.114	298.271.426.114	602.079.517.423	534.523.360.304	230.715.268.995	230.715.268.995
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	206.746.026.718	206.746.026.718	206.746.026.718	196.253.666.561	196.253.666.561	196.253.666.561
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	120.724.837.945	120.724.837.945	120.724.837.944	117.968.235.298	117.968.235.299	117.968.235.299
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	74.756.950.000	74.756.950.000	69.194.200.000	33.373.070.000	38.935.820.000	38.935.820.000
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	13.320.600.000	13.320.600.000	9.460.000.000	5.020.600.000	8.881.200.000	8.881.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	55.116.350.000	55.116.350.000	53.414.200.000	28.352.470.000	30.054.620.000	30.054.620.000
<b>Tổng</b>	<b>93.493.050.000</b>	<b>93.493.050.000</b>	<b>4.834.120.000</b>	<b>73.900.850.000</b>	<b>162.559.780.000</b>	<b>162.559.780.000</b>
	22.100.000.000	22.100.000.000	-	7.900.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	5.639.400.000	5.639.400.000	687.600.000	9.887.000.000	14.838.800.000	14.838.800.000
	65.753.650.000	65.753.650.000	4.146.520.000	56.113.850.000	117.720.980.000	117.720.980.000
<b>Tổng</b>	<b>793.992.290.777</b>	<b>793.992.290.777</b>	<b>1.003.578.702.085</b>	<b>956.019.182.163</b>	<b>746.432.770.855</b>	<b>746.432.770.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:
- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
  - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
  - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
  - Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
  - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
  - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
  - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
  - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
  - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
  - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

- Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
- Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (iv) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:
  - Số tiền cho vay: 145.000.000.000 VND;
  - Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vỏ bình gas;
  - Thời hạn vay: 5 năm;
  - Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
  - Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
  - Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý; tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
  - Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HĐTĐ ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022;
  
- (v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:
  - Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
  - Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
  - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
  - Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
  - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
  - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
  
- (vi) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:*
    - Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
    - Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
    - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
    - Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
    - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
    - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

*Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:*

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD;
- Lãi suất: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần;
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	
					chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.461.016.928	11.461.016.928
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	738.126.595	738.126.595
Số dư tại ngày 30/6/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.991.750.991	486.127.049.207



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
<b>Tổng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>	<b>37.339.929</b>	<b>100,00%</b>	<b>373.399.290.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	373.399.290.000	373.399.290.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>37.339.929</b>	<b>37.339.929</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	387	387
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>37.339.542</b>	<b>37.339.542</b>
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
<b>Tổng</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>	

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán LPG	1.188.841.450.630	1.646.074.671.802
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	6.713.616.900	6.051.942.900
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	2.815.461.816	2.770.118.888
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	1.065.429.550	-
<b>Tổng</b>	<b>1.199.435.958.896</b>	<b>1.654.896.733.590</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>792.439.981.689</i>	<i>1.277.089.941.584</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn bán LPG	1.156.416.143.793	1.617.068.325.315
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	3.191.590.872	5.689.494.059
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	2.815.461.816	2.195.774.060
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	506.024.276	-
<b>Tổng</b>	<b>1.162.929.220.757</b>	<b>1.624.953.593.434</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.774.827.238	7.065.236.168
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.150.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	451.554.640	201.562.548
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.244.751.244	-
<b>Tổng</b>	<b>11.471.133.122</b>	<b>11.416.798.716</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>6.485.694.654</i>	<i>7.257.020.197</i>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	23.098.814.772	13.262.061.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.751.888.457	3.569.605.044
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản có gốc tiền tệ cuối kỳ	501.500.000	727.600.000
<b>Tổng</b>	<b>25.352.203.229</b>	<b>17.559.266.883</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.485.972.923</b>	<b>5.744.596.356</b>
Chi phí nhân viên	16.939.000	-
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	1.465.366.147	2.002.599.346
Chi phí bảo lãnh mua hàng	2.777.467.774	2.420.856.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.200.002	1.321.140.166
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>13.964.545.844</b>	<b>11.164.822.339</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.582.754.192	4.711.313.324
Chi phí vật liệu quản lý	126.690.524	85.229.184
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.419.930	2.894.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.642.046.456	1.480.240.938
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.992.830.886	2.864.042.536
Chi phí bằng tiền khác	5.560.803.856	2.017.102.357
<b>Tổng</b>	<b>18.450.518.767</b>	<b>16.909.418.695</b>

**6.6 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý công cụ dụng cụ	79.250.000	-
Các khoản khác	-	7.067.000
<b>Tổng</b>	<b>79.250.000</b>	<b>7.067.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>79.250.000</b>	<b>7.067.000</b>

Trong đó:

**Thu nhập khác với bên liên quan****71.250.000**

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	922.658.244	6.898.320.294
Các khoản điều chỉnh tăng	-	4.246.155.240
Chi phí không được trừ	-	4.246.155.240
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(4.150.000.000)
Thu nhập từ nhận cổ tức	-	(4.150.000.000)
Thu nhập chịu thuế	922.658.244	6.994.475.534
Lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	922.658.244	6.994.475.534
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ	184.531.649	1.398.895.107
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>184.531.649</b>	<b>1.398.895.107</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.110.454	88.123.184
Chi phí nhân công	3.582.754.192	4.711.313.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.642.046.456	1.480.240.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.770.480.810	10.804.412.952
Chi phí khác bằng tiền	5.564.803.856	2.021.102.357
<b>Tổng</b>	<b>21.742.195.768</b>	<b>19.105.192.755</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các cam kết**

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	5.866.560.000	5.866.560.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.982.080.000	12.915.360.000
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
<b>Tổng</b>	<b>15.848.640.000</b>	<b>18.781.920.000</b>

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
8	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
12	Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
15	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết
16	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

**Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>36.000.000</b>

**Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (từ ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (đến ngày 27/6/2023)	-	-
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 19/4/2023, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	245.464.550	347.981.282
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính (từ ngày 10/7/2023)	119.850.000	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	299.443.352	437.037.731
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	237.750.000	295.952.929
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	369.769.550	526.635.548
<b>Tổng</b>		<b>1.272.277.452</b>	<b>1.607.607.490</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
 Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tình chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>Mua hàng</b>				
Công ty Cổ phần MT Gas Saisan Co., Ltd.	Công ty con trực tiếp Cổ đông lớn	Phí gửi kho LPG Phí bảo lãnh tín dụng Chi phí khác	3.186.081.062 534.450.561 2.615.962.501	35.500.134.238 379.000.000 -
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết Công ty liên kết	Mua vỏ chai LPG Mua LPG	35.668.000 -	199.128.062 34.740.260.000
<b>Bán hàng</b>				
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp Công ty con trực tiếp Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai Bán LPG, cho thuê vỏ chai Bán LPG, cho thuê nhà kho	792.439.981.689 358.922.766.228 163.346.797.432	1.277.089.941.584 505.437.178.306 374.672.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty liên kết Công ty con gián tiếp	Bán LPG Bán LPG	25.430.107.951 22.011.599.176	40.467.012.033 33.347.725.760
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty liên kết Công ty liên kết	Bán LPG Bán LPG	3.523.570.124 -	6.495.073.645 735.442.005
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết Công ty liên kết	Bán LPG Bán LPG	98.735.110.207 60.031.083.250	145.223.000.000 87.646.224.301

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tinh chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
<b>Giao dịch cho vay</b>				
Công ty Cổ phần Liên Doanh Hương Dương Machida Gas	Công ty con gián tiếp	Phần tiền gốc thu hồi	46.115.782.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phần tiền gốc thu hồi	950.000.000	43.800.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Phần tiền gốc thu hồi	6.485.694.654	950.000.000
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	3.045.822.519	7.257.020.197
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	195.120.891	2.893.296.226
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	-	213.723.971
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	3.150.000.000
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	190.980.209	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	2.045.164.905	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	245.712.991	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	600.879.631	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Lãi chậm thanh toán	162.013.508	-
<b>Thu nhập khác</b>			71.250.000	-
Saisan Co., Ltd.	Cổ đồng lớn	Xuất bán vỏ chai LPG	71.250.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
 Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023		01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND
<b><u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u></b>			441.584.311.592	439.102.548.419		
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	Công ty con trực tiếp		111.408.903.162	51.109.150.513		
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp		212.383.350.336	283.583.570.041		
Công ty Cổ Phần MT Gas	Công ty con trực tiếp		13.804.098.690	30.989.152.251		
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết		6.765.691.901	8.839.764.762		
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty liên kết		-	150.869.169		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết		32.467.486.094	34.499.367.347		
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết		38.836.778.023	3.703.501.930		
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp		14.793.684.896	5.748.323.549		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết		11.124.318.490	20.478.848.857		
<b><u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u></b>			50.200.000.000	50.200.000.000		
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina Saisan Co., Ltd.	Công ty liên kết		50.200.000.000	50.200.000.000		
	Cổ đông lớn		197.246.539	-		



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023		01/01/2023	
			VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			11.221.472.148	6.294.375.477		
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lợi nhuận phải thu				
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi cho vay	3.045.822.519	1.174.169.223		
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Phải thu lãi cho vay				
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Phải thu lãi cho vay	33.731.507	31.063.699		
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	Các khoản khác	146.088.589			
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Các khoản khác	2.646.044.536			
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Các khoản khác	407.726.499			
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ	4.542.058.498	4.689.142.555		
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	Tiền ủy quyền mua cổ phần	400.000.000	400.000.000		
<b>Phải thu về cho vay</b>			108.737.320.000	155.803.102.000		
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Tiền gốc cho vay	84.700.000.000	130.815.782.000		
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay	5.700.000.000	6.650.000.000		
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay	5.520.000.000	5.520.000.000		
Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay	4.600.000.000	4.600.000.000		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay	8.217.320.000	8.217.320.000		



Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

